TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 118/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 08 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ số 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trương Minh Đ, sinh năm 1981. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 3 K 175 đường L, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Phan Thị Thu T, sinh năm 1990. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 3 K 175 đường L, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh Đ và chị Phan Thị Thu T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2016 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Trương Minh Đ và chị Phan Thị Thu T.

[2] Về con chung: Anh Trương Minh Đ và chị Phan Thị Thu T xác nhận có 01 người con chung là cháu Trương Tuấn K, sinh ngày 04/4/2017. Anh Đ, chị T thỏa thuận giao cháu K cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Trương Minh Đ có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo Đ xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Trương Minh Đ và chị Phan Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh Đ và chị Phan Thị Thu T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trương Minh Đ và chị Phan Thị Thu T có 01 con chung tên là Trương Tuấn K, sinh ngày 04/4/2017 (hiện nay cháu K đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng).

Giao cháu Trương Tuấn K cho chị Phan Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Trương Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Trương Minh Đ và chị Phan Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Minh Đ và chị Phan Thị Thu T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005453 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Trương Minh Đ và chị Phan Thị Thu T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. L, thành phố H
(ĐKKH số 27, ngày 09/4/2016);
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Văn Hạnh